

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ THANH TÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ THANH TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH TAM CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH TAM CONSULTING SERVICES CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110275462

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô C40, Khu 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0829346556

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 3.  | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo trình độ sơ cấp (Điểm c, Khoản 2, Điều 6 Luật Giáo dục năm 2019)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8531        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy đọc nhanh; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559        |
| 5.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; - Tư vấn du học (Theo điều 107, nghị định số 46/2017/NĐ-CP và Điều 2, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP)                                                                                                                             | 8560(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá và quảng cáo trên không)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 7.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế website, trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, thiết kế quảng cáo                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch                                                                                                                                                                                                                             | 7490 |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi (Điều 6 Nghị định 10/2020/NĐ- CP)                                                                                                                                                            | 4931 |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics (Theo điều 3 Nghị định 163/2017/NĐ-CP); Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; đại lý bán vé tàu hỏa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. | 5229 |
| 14. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                         | 7810 |
| 15. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7820 |
| 16. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                        | 7830 |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7912 |
| 19. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                   | 7990 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022090000662

Địa chỉ thường trú: *Thôn 6, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 6, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 21/05/1990      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022090000662

Địa chỉ thường trú: *Thôn 6, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 6, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội